



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 05418/2025/PKQ (25.4806)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name:** CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location:** CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Loại mẫu/ Type of sample:** Khí thải
- Thông tin mẫu/ Sample information:**

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4806.KT.01	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 02 (Nguồn số 11) - CS 69000 m ³ /h	X=1183887, Y=408085
25.4806.KT.02	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 03 (Nguồn số 12) - CS 69000 m ³ /h	X=1183873, Y=408088
25.4806.KT.03	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 06 (Nguồn số 15) - CS 42000 m ³ /h	X=1183899, Y=408084
25.4806.KT.04	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 07 (Nguồn số 16) - CS 42000 m ³ /h	X=1183878, Y=408090
25.4806.KT.05	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex 02 (Nguồn số 19) - CS 7300 m ³ /h	X=1183853, Y=408098
25.4806.KT.06	Hệ thống xử lý Hoi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex 03 (Nguồn số 20) - CS 7300 m ³ /h	X=1183858, Y=408090

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 24/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4806. KT.01	25.4806. KT.02	25.4806. KT.03	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	35.612	35.974	21.118	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐAI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



• **Bảng 2/ Table 2:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4806. KT.04	25.4806. KT.05	25.4806. KT.06	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	21.268	4.063	3.720	-

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
- (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 05420/2025/PKQ (25.4757)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4757.KT.01	Hệ thống xử lý Hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 01 (Nguồn số 10) - CS 69000 m ³ /h	X=1183913, Y=408081
25.4757.KT.02	Hệ thống xử lý Hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 04 (Nguồn số 13) - CS 69000 m ³ /h	X=1183850, Y=408094
25.4757.KT.03	Hệ thống xử lý Hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 05 (Nguồn số 14) - CS 42000 m ³ /h	X=1183919, Y=408077
25.4757.KT.04	Hệ thống xử lý Hơi hóa chất từ công đoạn nhúng latex 08 (Nguồn số 17) - CS 42000 m ³ /h	X=1183859, Y=408091
25.4757.KT.05	Hệ thống xử lý Hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex 01 (Nguồn số 18) - CS 7200 m ³ /h	X=1183850, Y=408094
25.4757.KT.06	Hệ thống xử lý Hơi hóa chất từ phòng chứa hóa chất latex 04 (Nguồn số 21) - CS 7300 m ³ /h	X=1183855, Y=408095

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 23/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

• Bảng 1/ Table 1:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4757. KT.01	25.4757. KT.02	25.4757. KT.03	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	44.506	36.101	32.910	-

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



• Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT
				25.4757. KT.04	25.4757. KT.05	25.4757. KT.06	Cmax ⁽¹⁾
1	NH ₃ ^(c)	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	KPH (MDL=0,05)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	24.515	4.282	4.282	-

Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
- (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
- KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
- (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=0,8; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHẢ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 05415/2025/PKQ (25.4867)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4867.KT.01	Hệ thống xử lý Bụi từ quá trình kéo sợi thép (Nguồn số 33) - CS 48000 m ³ /h	X=1184336, Y=407966
25.4867.KT.02	Xử lý Hơi hóa chất khu vực tẩy rửa sợi thép 1 (Nguồn số 37) - CS 30000 m ³ /h	X=1184338, Y=407969
25.4867.KT.03	Xử lý Hơi hóa chất khu vực tẩy rửa sợi thép 2 (Nguồn số 38) - CS 66000 m ³ /h	X=1184338, Y=407969

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 25/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			C _{max} ⁽¹⁾
				25.4867. KT.01	25.4867. KT.02	25.4867. KT.03	
1	HCl ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	-	KPH (MDL=0,15)	KPH (MDL=0,15)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	26.401	28.592	33.867	-
3	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	38	-	-	128
4	H ₂ SO ₄ ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 8	-	<3	3,8	32



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
4. (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

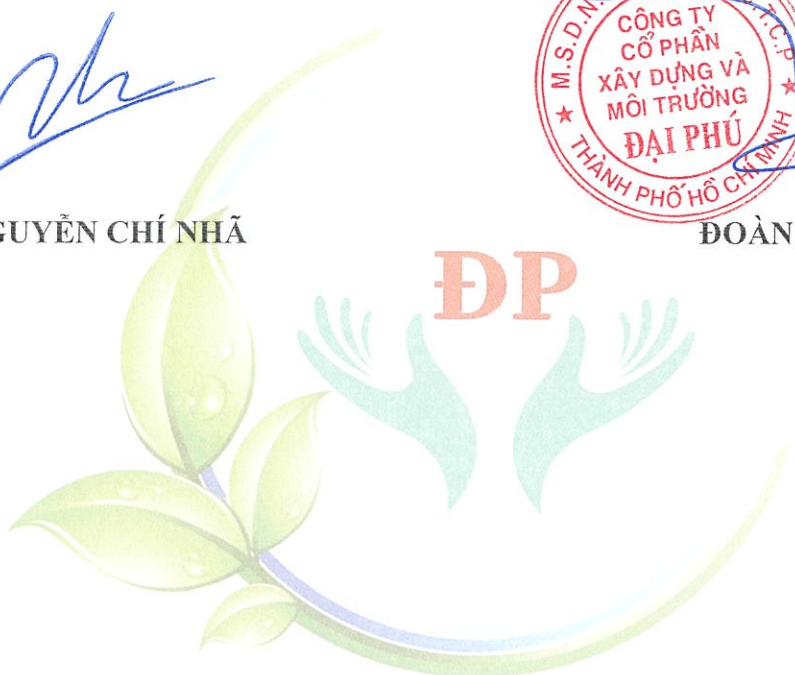
TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 05413/2025/PKQ (25.4912)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4912.KT.01	Hệ thống xử lý Bụi từ quá trình kéo sợi viên 1- khu vực 1 (Nguồn số 34) - CS 48000 m ³ /h	X=1184334, Y=407960
25.4912.KT.02	Hệ thống xử lý Bụi từ quá trình sàng bụi sumax tái sử dụng (Nguồn số 36) - CS 18418 m ³ /h	X=1184331, Y=407962
25.4912.KT.03	01 ống thoát khí thải sau 02 Hệ thống xử lý hơi hóa chất cho khu vực mạ chung của xưởng sản xuất sợi thép thoát chung 01 ống thải (Nguồn số 41,42,43,44,45,46,47,48,49) - CS 124800 m ³ /h	X=1184349, Y=407977

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 26/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 08/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			C _{max} ⁽¹⁾
				25.4912. KT.01	25.4912. KT.02	25.4912. KT.03	
1	HCl ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	-	-	KPH (MDL=0,15)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	25.401	9.734	47.153	-
3	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	41	75	-	128
4	H ₂ SO ₄ ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 8	-	-	4,6	32



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
4. (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 05414/2025/PKQ (25.4868)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

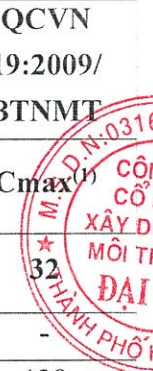
Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4868.KT.01	Hệ thống xử lý Bụi từ quá trình kéo sợi viên 1- khu vực 2 (Nguồn số 35) - CS 60000 m ³ /h	X=1184338, Y=407967
25.4868.KT.02	Xử lý Hoi hóa chất khu vực tẩy rửa sợi viên 1 khu vực 1 (Nguồn số 39) - CS 30000 m ³ /h	X=1184343, Y=407971
25.4868.KT.03	Xử lý Hoi hóa chất khu vực tẩy rửa sợi viên 1 khu vực 2 (Nguồn số 40,50) - CS 66000 m ³ /h	X=1184345, Y=407974

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 25/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT C _{max} ⁽¹⁾
				25.4868. KT.01	25.4868. KT.02	25.4868. KT.03	
1	HCl ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	-	KPH (MDL=0,15)	KPH (MDL=0,15)	-
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	35.959	24.108	54.106	-
3	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	38	-	-	128
4	H ₂ SO ₄ ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 8	-	<3	<3	32



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
"-": Không quy định
4. (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by


NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 05409/2025/PKQ (25.4926)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu/ **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn**
Sampling location: **Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4926.KT.01	Hệ thống xử lý bụi (Nguồn số 52) - CS 60000 m ³ /h	X=1184353, Y=407986
25.4926.KT.02	Hệ thống xử lý hơi hóa chất xử lý chung (Nguồn số 54,55,56,57) - CS 18000 m ³ /h	X=1184357, Y=407989

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 27/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 10/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 19:2009/ BTNMT C _{max} ⁽¹⁾
				25.4926. KT.01	25.4926. KT.02	
1	HCl ^(c)	mg/Nm ³	US EPA Method 26	-	KPH (MDL=0,15)	32
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	32.200	11.488	-
3	NO _x (Tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	HDCV/LM-82	-	<1,88	544
4	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	HDCV/LM-82	-	<2,62	320
5	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	42	-	128
6	H ₂ SO ₄ ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 8	-	3,2	32

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ
DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com
Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ *The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.*
2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ *The parameters sent to subcontractors.*
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ *Not detected*
"-": Không quy định
4. (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY





Mã số/ Ref. No: 05416/2025/PKQ (25.4825)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CÔNG TY TNHH HS HYOSUNG VIỆT NAM-Đường N2, KCN Nhơn Trạch V, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.4825.KT.01	Hệ thống xử lý Bụi từ công đoạn bắn sợi 1 (Nguồn số 30) - CS 9000 m ³ /h	X=1183848, Y=408081
25.4825.KT.02	Hệ thống xử lý Bụi từ công đoạn bắn sợi 2 (Nguồn số 31) - CS 9000 m ³ /h	X=1183853, Y=408084
25.4825.KT.03	Hệ thống xử lý Bụi từ công đoạn bắn sợi 3 (Nguồn số 32) - CS 9000 m ³ /h	X=1183857, Y=408088

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 24/06/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 04/07/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			C _{max} ⁽¹⁾
				25.4825. KT.01	25.4825. KT.02	25.4825. KT.03	
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	4.894	4.716	4.937	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	56	64	52	128



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn



Chú thích/ Remarks:

- (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
"-": Không quy định
- (1): Cột B, $K_p=0,8$; $K_v=0,8$; Cơ sở với lưu lượng nguồn thải $P > 100.000$ và khu vực nội thành, nội thị đô thị loại II, III, IV; vùng ngoại thành đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I có khoảng cách đến ranh giới nội thành lớn hơn hoặc bằng 02 km, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY

